

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2022/DS-PT

Ngày: 21-11-2022

V/v tranh chấp đòi lại tài

sản là quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Vũ.

*Các thẩm phán:*

1. Bà Võ Thị Hồng Mai;

2. Ông Hà Chí Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 322/2022/QĐ-PT, ngày 28 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị L, sinh năm 1941; cư trú tại: Tổ 3, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bà Đào Thị L:* Anh Lê Trường H, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ 3, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đào Thị L:* Ông Trần Minh T1, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1955 và bà Võ Thị R, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; ông M, bà R có mặt.

*Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn M:* Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp S, xã P2, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Trường H, sinh năm 1982 và chị Trần Thị Út L1, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 3, ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh

Tây Ninh; anh H, chị Út L1 có mặt.

*4. Người làm chứng:*

- Ông Lê Văn L2, sinh năm 1952; HKTT: Ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Dương Văn N, sinh 1974; cư trú tại: Ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Ông L2, Ông N Tòa án không triệu tập.

*Người kháng cáo:* Ông Lê Văn M và Võ Thị R, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 01 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Anh Lê Trường H trình bày:* Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Lê Văn L3 và cụ Võ Thị L4 (đã chết) chia cho con tên Lê Văn N1(chết năm 2003) là chồng bà của Đào Thị L từ năm 1988; ông N1được Ủy ban nhân dân huyện T5cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 03199 QSDĐ/06/2002/QĐ-CT(H) ngày 15-01-2002, tại các thửa số 026, 027, 028, 029, 031, 032, 033, 034, 036, 037, 038, 0483, tờ bản đồ số 01, diện tích 31.054 m<sup>2</sup>, theo bản đồ 299, trong đó thửa số 034, tờ bản đồ số 01, diện tích 414 m<sup>2</sup> chuyển sang bản đồ lưới năm 2005 thuộc thửa mới số 12, tờ bản đồ số 10. Sau khi ông N1 chết, năm 2015 bà L cùng các con làm thủ tục phân chia di sản thừa kế của ông N1chết để lại, tất cả các con ông N1, bà L thống nhất tặng cho di sản thừa kế của ông N1 lại cho bà L, ngày 19-01-2015 bà Đào Thị L được Ủy ban nhân dân huyện T5cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 02 thửa số 12, 13, tờ bản đồ số 10, diện tích 7.355 m<sup>2</sup>, trong đó thửa số 12, diện tích 448 m<sup>2</sup>. Từ khi ông N1 được cụ L3, cụ L4 chia đất thì trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định đến ngày 20-8-2020, ông Lê Văn M là cháu ruột gọi ông N1bằng chú tự ý nhỏ bỏ các trụ ranh gia đình bà L cắm trên đất, vì cho rằng đất này cụ L3, cụ L4 chia cho ông Lê Văn C(đã chết) là cha của ông M và cắm lại trụ ranh khác.

Bà L khởi kiện yêu cầu ông M trả lại diện tích 448 m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

*Bị đơn ông Lê Văn M, người đại diện hợp pháp của bị đơn, Bà Phạm Thị Kim D trình bày:* Về nguồn gốc phần đất tranh chấp đúng như lời trình bày của nguyên đơn, nhưng diện tích đất này cụ L4, cụ L3 chia cho con là ông Lê Văn C, cha của ông M ngày 17-5-1988 âm lịch (có tờ tương phân kèm theo). Sau khi được chia đất, ông C sử dụng cho đến nay, ông C cứ nghĩ thửa đất số 127, 128, tờ bản đồ số 01, diện tích 13.005 m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân huyện T5 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02754 QSDĐ/450910, ngày 15-02-1998, nhưng qua kết quả đo đạc, xác minh của Tòa án xác định phần đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, sau đó ông C cho lại ông M toàn bộ diện tích này.

Trước đây thửa đất này là đất gò, nhưng nhỏ hơn và không cao như hiện nay.

Khoảng năm 2000, ông M có bán cho ông Quang S1 ngụ tại xã B(nay là xã P3), thị xã T một phần đất để lấy đất bán cho người khác, nên ông M kêu ông Quang S1 đổ thêm đất sét lên phần đất gò này, bà L không ngăn cản. Năm 2014, ông M cho anh H là con ông N1 mượn phần đất này để trồng ớt, thời gian sau đó anh H trồng cỏ nuôi bò đến nay, việc cho mượn đất hai bên không làm văn bản. Bà D đại diện cho ông M, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích 448 m<sup>2</sup>, thửa số 34, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299, nay thửa mới số 12, tờ bản đồ số 10, theo bản đồ 2005, đất tọa lạc ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh cho ông M, nhưng ông M không làm đơn kiện.

*Bị đơn bà Võ Thị R trình bày:* Bà là vợ ông M. Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông M.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Anh Lê Trường H trình bày:* Anh là con ruột của ông Lê Văn N1(chết năm 2003) và bà Đào Thị L, hiện nay vợ chồng anh sống chung với bà L. Nguồn gốc phần đất tranh chấp thửa số 12, tờ bản đồ số 10, diện tích 448 m<sup>2</sup> của ông bà nội cho cha anh từ năm 1988 và liên tục quản lý, năm 2010 anh trồng cỏ để chăn nuôi bò. Trong suốt thời gian dài cha mẹ anh quản lý, sử dụng đất ông M không tranh chấp, năm 2020 thì ông M nhờ trụ rào ranh bao chiếm diện tích đất này. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ anh yêu cầu ông M trả lại diện tích đất 448 m<sup>2</sup>.

*Chị Trần Thị Út L1 trình bày:* Chị là vợ của anh H. Chị thống nhất với lời trình bày của anh H, không bổ sung gì thêm.

*Người làm chứng:*

*Ông Lê Văn L2 trình bày:* Ông là em ruột của ông C, ông N1, là người viết tờ tương phân tài sản cho các con theo yêu cầu của cha mẹ là cụ L4, cụ L3 năm 1988. Trong tờ tương phân tài sản không có ghi số thửa đất, số tờ bản đồ, cũng không đo đạc; phần đất tranh chấp ông biết là cha mẹ cho ông C, nhưng không có giấy tờ chứng minh ngoài tờ tương phân tài sản.

*Anh Dương Văn N trình bày:* Anh là hàng xóm với ông M, bà L, không có quan hệ bà con. Phần đất tranh chấp gần với ruộng của anh. Anh canh tác từ năm 1999 đến nay. Theo anh nghe nói phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông C cho lại ông M. Trước đây, phần đất này bỏ trống, không có ai canh tác, khoảng năm 2014, anh H, con bà L trồng cỏ nuôi bò. Anh chỉ biết như vậy và cũng không thấy giấy tờ gì thể hiện phần đất tranh chấp là của ông C.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 188, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 11, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Lê Văn M, bà Võ Thị R.

Buộc ông ông Lê Văn M và bà Võ Thị R trả lại cho bà Đào Thị L diện tích 448 m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây

Ninh, có tứ cận: Đông giáp đất bà L (thửa 13), dài 38,36 m + 23,25 m; Tây giáp đất ông M, dài 8,9 m + 31,9 m; Nam giáp đất ông M, dài 14,44 m; Bắc giáp đất ông Kiệp, dài 11,27 m (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Lê Văn M, bà Võ Thị R phải di dời toàn bộ tài sản trên phần đất diện tích 448 m<sup>2</sup>, gồm 10 trụ xi măng cao 0,8 m.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 15-8-2022, ông Lê Văn M và bà Võ Thị R kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T xét xử ngày 09-8-2022 theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông M tranh luận, thừa đất tranh chấp là của ông Lê Văn C được cha mẹ tặng cho năm 1988 và liên tục quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2004 ông C tặng cho diện tích đất này lại ông M. Năm 2014, anh H con ông Lê Văn N1 hỏi mượn ông M diện tích đất tranh chấp để trồng cỏ; đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ thửa số 12, tờ bản đồ số 10 từ thửa nào chuyển qua, để làm cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp có trùng lên thửa đất ông C được cấp giấy tại thửa số 127 hay không.

Ông M thống nhất với ý kiến của người đại diện, không tranh luận.

Bà R tranh luận cho rằng, diện tích đất tranh chấp được cha chồng cho lại và liên tục quản lý, sử dụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả đất lại cho vợ chồng bà.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đào Thị L cho rằng, diện tích đất tranh chấp từ khi được cha mẹ tặng cho đến nay gia đình ông Lê Văn N1 quản lý, sử dụng và đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, anh H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông M, bà R, vì phần đất tranh chấp được ông bà chia cho cha anh từ năm 1988 và được cấp giấy năm 2002, gia đình anh liên tục canh tác từ khi ông bà cho đất đến nay; anh không mượn đất như ông M, bà R trình bày.

Chị Út L1 thống nhất với ý kiến của Luật sư, không tranh luận.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diện tích đất tranh chấp là của ông Lê Văn N1 được cha mẹ tặng cho từ năm 1988 và liên tục quản lý, sử dụng, năm 2002 ông N1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2015 bà Đào Thị L làm thủ tục thừa kế tài sản và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có chứng cứ gì chứng minh đất tranh chấp là của ông

Ccho lại ông M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, bà R; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn M và bà Võ Thị R kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Xét diện tích đất tranh chấp giữa bà L với ông M, bà R được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đào Thị L, do đó bà L khởi kiện yêu cầu ông M, bà R trả lại là quan hệ “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”, không phải “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[2] Về nội dung: Phần đất tranh chấp tọa lạc ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc của cụ Lê Văn L3 và cụ Võ Thị L4 (đã chết) chia cho con theo “Tờ di chúc tương phân tài sản cho các con” ngày 17-5-1988. Tờ tương phân chia đất cho 06 người con, mỗi người một diện tích nhất định tính theo bản đồ nông nghiệp đã đo đạc, nhưng diện tích phân chia không xác định số thửa, số tờ bản đồ, không cắm ranh. Trong đó, phần đất ông Lê Văn C, cha của ông Lê Văn M được phân chia 44.000 m<sup>2</sup>; ông Lê Văn N1 được phân chia 31.289 m<sup>2</sup>.

[3] Về chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[3.1] Ngày 27-12-1997, ông Lê Văn C đến Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T5 xin đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa số 127, 128, 130, 131, 267, 378, 479, tờ bản đồ số 1, diện tích 13.005 m<sup>2</sup>. Ngày 13-02-1998, ông C được Ủy ban nhân dân huyện T5 (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích, thửa đất, tờ bản đồ mà ông C kê khai, đăng ký; năm 2004 ông C tặng cho ông M phần đất này. Tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định các thửa số 127, 128, 130, 131, 267, 378, 479, tờ bản đồ số 1, diện tích 13.005 m<sup>2</sup>, điều chỉnh theo bản đồ lưới thuộc thửa số 11, 14, 15, 16, 17, 19, 45, tờ bản đồ số 10; thửa số 8, tờ bản đồ số 21 và thửa số 311, tờ bản đồ số 21, diện tích tăng 13.467 m<sup>2</sup>.

[3.2] Ngày 29-7-1997, ông Lê Văn M đến Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T5 xin đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa số 125, 379, tờ bản đồ số 1, diện tích 7.111 m<sup>2</sup>. Ngày 05-9-1997, ông M được Ủy ban nhân dân huyện T5 (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích trên.

[3.3] Ngày 21-8-2001, ông Lê Văn N1 đến Ủy ban nhân dân xã P1, huyện T5 làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại các thửa số 26, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 36, 37, 38, 483, tờ bản đồ số 1, diện tích 31.054 m<sup>2</sup>. Ngày 15-01-2002, ông N1 được Ủy ban nhân dân huyện T5 (nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định các thửa số 26, 27, 28, 29, 31, 32, 33, 34, 36, 37, 38, 483, tờ bản đồ số 1, diện tích 31.054 m<sup>2</sup>, điều chỉnh theo bản đồ lưới thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 21; thửa

số 3, 18, 32, 77, 92, tờ bản đồ số 11; thửa số 1, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 12, 13, tờ bản đồ số 10, diện tích 29.049 m<sup>2</sup>, giảm 2.005 m<sup>2</sup>.

[4] Năm 2003 ông N1chết, đến ngày 05-01-2015 các con ông N1, bà L lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, đồng ý giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất được hưởng thừa kế của ông N1cho bà L hưởng, bà L đã làm thủ tục cấp giấy toàn bộ diện tích đất ông N1chết để lại, trong đó có thửa số 12, diện tích 448 m<sup>2</sup>; thửa số 13, diện tích 6.907 m<sup>2</sup> (tổng cộng diện tích 7.355 m<sup>2</sup>) và được Ủy ban nhân dân huyện T5(nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-01-2015.

[5] Như vậy, sau khi được cha mẹ phân chia đất theo tờ tương phân năm 1988, năm 1997 ông Clàm thủ tục kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Ctrực tiếp quản lý, canh tác diện tích của mình, không bị ai lấn chiếm, tranh chấp, sau đó đất này ông Ctặng cho lại ông M. Đối với phần đất ông N1được phân chia, đến năm 2001 ông mới làm thủ tục kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002. Tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C, ông N1 cơ quan có thẩm quyền xác định các thửa đất được cấp theo bản đồ 299, chuyển sang bản đồ lưới năm 2005 tương ứng với các thửa đất đã nêu trên, theo bản đồ lưới đất ông Ctặng diện tích lên 462 m<sup>2</sup>, đất ông N1giảm 2.005 m<sup>2</sup>; thửa đất số 12, tờ bản đồ số 10 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đào Thị L không cấp trùng nhau với các thửa số 127, 128, 130 đã cấp giấy cho ông Cnăm 1998.

[6] Tại biên bản xác minh ngày 23-02-2022, hồ sơ địa chính lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã P1 thể hiện, các thửa đất số 127, 128, 130, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299 do ông Lê Văn Cđăng ký, theo bản đồ lưới 2005 các thửa đất trên do ông M đăng ký. Thửa số 12 (thửa cũ số 32), tờ bản đồ số 10 chuyển bản đồ lưới 2005 do bà L đăng ký; vị trí các thửa đất số 127, 128, 130, tờ bản đồ số 01 giáp ranh thửa số 32, tờ bản đồ số 01, các thửa đất này không nằm trùng lấp nhau; các thửa số 127, 128, 130, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299 chuyển sang bản đồ lưới 2005 tương ứng thửa số 11, 14, 15, 16, 19, tờ bản đồ số 10. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, ông ông N1, bà L đầy đủ và hai lần tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp có mặt tham gia đầy đủ các bên đương sự, không ai phản đối. Do đó, người đại diện hợp pháp của ông M yêu cầu Tòa án tiếp tục thu thập chứng cứ và xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tranh chấp, nên không được chấp nhận.

[7] Tại biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 29-12-2020, ông M trình bày, thửa đất tranh chấp khi cha ông (là ông C) và chú ông (là ông N1) còn sống có để cho ông N1phần đất đó cất chòi, trồng trọt trên đất để sinh sống, đến năm 2003 ông N1chết ông xin lại lấy đất, nhưng con ông N1không đồng ý; nhưng tại biên bản đối chất ngày 16-6-2022 và biên bản hòa giải cùng ngày ông M, người đại diện hợp pháp của ông M lại khai, năm 2014 anh H mượn ông M phần đất tranh chấp để trồng ớt, sau đó trồng cỏ nuôi bò là mâu thuẫn nhau trong lời khai, đồng thời cũng không có chứng cứ chứng minh ông M cho anh H mượn phần đất này. Tại biên bản ghi lời khai ông Lê Văn L2 (em của ông C, ông N1) trình bày, ông là người viết tờ

tương phân tài sản cho các con năm 1988, ông xác định khi cha mẹ cho đất, nhưng không đo đạc, không đến đất để giao, tờ tương phân cũng không ghi rõ số thửa, số tờ bản đồ, hiện trạng đất tranh chấp không có thay đổi gì so với trước đây khi cha mẹ cho đất, nhưng theo ông L2 diện tích đất tranh chấp cha mẹ cho ông C. Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Văn Sáu trình bày, cách nay khoảng 10 năm ông có nhận nạo vét ao cho ông M tại ấp P, xã P1, ông M không trả tiền công nhưng ông được lấy số đất nạo vét từ ao lên để chuyển đi bán nơi khác; ông không nhớ ông M thuê ông đổ đất lên phần đất tranh chấp.

[8] Như vậy, phần đất tranh chấp từ năm 1988 cho đến nay ông N1, bà L là người quản lý, sử dụng; năm 2002 ông N1 làm thủ tục kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2015 cơ quan có thẩm quyền tiếp tục làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đào Thị L đứng tên. Ông M khai phần đất tranh chấp của cha ông được ông bà phân chia cho năm 1988 và tặng cho ông năm 2004, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, ông M, bà R đến cấm trụ xi măng bao chiếm diện tích đất 448 m<sup>2</sup>, tại thửa số 12, tờ bản đồ số 10, tọa lạc ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh đã xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của bà L.

[9] Tại phiên tòa Kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử xét nên chấp nhận. Không chấp nhận kháng cáo của ông M, bà R; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tổng cộng số tiền 7.300.000 đồng, do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, nên ông M, bà R phải chịu số tiền này. Bà L đã nộp 2.300.000 đồng; ông M đã nộp 5.000.000 đồng. Do đó, ông M, bà R có nghĩa vụ trả lại cho bà L 2.300.000 đồng.

[11] Về án phí: Ông M, bà R là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 166, Điều 203 Luật Đất đai; các Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn M và bà Võ Thị R; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2022/DS-ST, ngày 09 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất” đối với ông Lê Văn M và bà Võ Thị R.

Buộc ông ông Lê Văn M và bà Võ Thị R trả lại cho bà Đào Thị L diện tích

đất 448 m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 10, được Ủy ban nhân dân huyện T5(nay là thị xã T), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH 04697 ngày 19-01-2015, đất tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận: Đông giáp thửa số 13 của bà L, dài 38,36 m + 23,25 m; Tây giáp đường bờ, dài 8,9 m + 31,9 m; Nam giáp đường bờ, dài 14,44 m; Bắc giáp đường bờ, dài 11,27 m (có sơ đồ đất kèm theo).

Buộc ông Lê Văn M và bà Võ Thị R di chuyển toàn bộ 10 (mười) trụ xi măng, cao 0,8 m ra khỏi diện tích đất 448 m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 10 của bà Đào Thị L, đất tọa lạc tại ấp P, xã P1, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn M và bà Võ Thị R có nghĩa vụ nộp lại số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng) để trả cho bà Đào Thị L.

4. Về án phí: Ông Lê Văn M và bà Võ Thị R là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND Huyện DMC;
- CCTHADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

**Trần Quốc Vũ**



